

Bản án số: **98/2020/HNGĐ- ST**

Ngày 28/4/2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thề
2. Ông Nguyễn Ngọc Xuyên

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 427/2019/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17/3/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(chị Đ có mặt, anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Sơn Dương (Nay là xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn H, xã S, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2014 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Như N, sinh ngày 09/5/2012. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị Đàm xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2020, ông Phạm Văn H (hàng xóm liền kề với gia đình của anh L) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị Đ và anh L như chị Đ trình bày là đúng. Năm 2016 vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn cụ thể ông không nắm rõ. Cũng trong năm 2016 do mâu thuẫn quá căng thẳng nên chị Đ và anh L đã sống ly thân, chị Đ mang theo con gái về Bắc Cạn quê ngoại ở, còn anh L cũng đi làm ăn xa nhà thỉnh thoảng mới về địa phương.

Về việc giao nuôi con chung, kể từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân thì cháu Hoàng Như N ở cùng chị Đ, do chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ, xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Văn L. Giao cháu Hoàng Như N, sinh ngày 09/5/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Đàm và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đ khởi kiện yêu cầu

Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Hoàng Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã S (nay là xã T), huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh L xác định: anh L và chị Đ kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại xã S, huyện Sơn Dương (Nay là xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng năm 2016 vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Con chung hiện nay đang ở cùng chị Đ. Anh L sống ở địa phương nhưng thường xuyên đi vắng, thỉnh thoảng mới về nhà.

Bản thân chị Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh L cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: kết quả xác minh cho thấy anh L thường xuyên đi vắng khỏi địa phương, chị Đ đều một mình nuôi con. Anh L không có ý kiến gì về việc tranh chấp nuôi con. Đại diện chính quyền địa phương có ý kiến nên giao cháu N cho chị Đ nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao cháu Hoàng Như N, sinh ngày 09/5/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Hoàng Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Như N, sinh ngày 09/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004337 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

